

Tuần : 35

Ngày soạn: 21/04/2017

Tiết : 68

Ngày dạy: 24/04/2017

ÔN TẬP HỌC KÌ II (T1)

I. MỤC TIÊU: Sau tiết này HS phải:

1. Kiến thức:

- Nắm được và củng cố một số kiến thức về oxi, không khí, hiđro.
- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập liên quan.

2. Kỹ năng:

- Liên hệ, so sánh, làm bài tập tính theo PTHH.

3. Thái độ:

- Có ý thức học tập nghiêm túc, làm việc cẩn thận.

4. Năng lực cần hướng đến:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học, năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn hóa học, năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống, năng lực tính toán.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên và học sinh:

a. Giáo viên:

- Các kiến thức ôn tập trong học kì II.
- Một số bài tập vận dụng.

b. Học sinh: Chuẩn bị kiến thức trước khi lên lớp.

2. Phương pháp: Đàm thoại – Thảo luận nhóm – Làm việc cá nhân.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

1. Ôn định lớp (1’):

Lớp	Tên HS vắng học	Lớp	Tên HS vắng học
8A1		8A4	
8A2		8A5	
8A3			

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra

3. Bài mới:

a. Giới thiệu bài: Trong chương trình học kì II, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu những kiến thức về oxi, không khí, hiđro, dung dịch..... nhằm giúp các em củng cố và nắm chắc hơn những kiến thức đã học, chúng ta cùng nhau ôn tập học kì II.

b. Các hoạt động chính:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1. Kiến thức cần nhớ(20’).	
- GV: Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời một số câu hỏi sau: (Phụ đạo HS yếu kém) 1. Sự oxi hóa là gì? 2. Phản ứng hóa hợp, phản ứng thế là gì? 3. Cách gọi tên oxit, axit, bazơ, muối. 4. Thành phần chính của không khí? 5. Sự cháy? Sự oxi hóa chậm? Điều kiện phát sinh và dập tắt đám cháy? 6. Cách điều chế oxi ?	- HS: Các nhóm thảo luận 5 phút và trả lời lần lượt từng câu hỏi theo yêu cầu của GV.

- GV: Yêu cầu HS trả lời và chỉnh sửa kiến thức cho HS.	- HS: Trả lời và ghi nhớ những nhắc nhở của GV trong quá trình trả lời câu hỏi của GV.																											
Hoạt động 2. Bài tập (23’).																												
- GV: Yêu cầu HS nghiên cứu và làm một số bài tập sau : Bài tập 1: Cho các công thức hóa học sau: CaO, NO₂, HCl, NaOH, CuSO₄, P₂O₅, Fe₂O₃, Al(OH)₃, CaCO₃. Hãy phân loại các chất trên và đọc tên chúng. - GV: Hướng dẫn HS kẻ bảng và gọi 4HS lên bảng làm bài tập, thu vở 5 HS chấm điểm. Bài tập 2: (Bài tập 4 SGK/84) - GV: Hướng dẫn các bước làm bài tập: + Tính số mol của P và O₂. + Lập PTHH và so sánh tỉ lệ để biết chất nào dư, chất nào hết. + Dựa vào PTHH để tính số mol chất hết , chất dư. + Tính khối lượng oxit tạo thành. Bài tập 3: Lập PTHH của oxi với các chất sau: Cacbon, nhôm, hidro. Hãy gọi tên chúng.	- HS: Suy nghĩ và thảo luận để làm bài tập 1: - HS: Lên bảng làm bài tập và nộp vở bài tập cho GV chấm điểm. - HS: Suy nghĩ và làm bài tập theo các bước GV đã hướng dẫn: $n_p = \frac{12,4}{31} = 0,4(\text{mol})$ $n_{O_2} = \frac{17}{32} = 0,53(\text{mol})$ <table><tr><td>4P</td><td>+</td><td>5O₂</td><td>$\xrightarrow{t^0}$</td><td>2P₂O₅</td></tr><tr><td>4</td><td></td><td>5</td><td></td><td>2</td></tr><tr><td>0,4mol</td><td></td><td>0,5mol</td><td></td><td>0,2mol</td></tr></table> a. Ta có $\frac{0,4}{4} < \frac{0,53}{5} \Rightarrow O_2$ dư $\Rightarrow n_{O_2 \text{ dư}} = 0,53 - 0,5 = 0,03(\text{mol})$ $\Rightarrow m_{O_2 \text{ dư}} = n.M = 0,03 . 32 = 0,96(\text{g})$ b. $m_{P_2O_5} = n.M = 0,2.142 = 28,4(\text{g})$ - HS: Tiến hành làm bài tập trong 3’: <table><tr><td>C + O₂</td><td>$\xrightarrow{t^0}$</td><td>CO₂</td><td>Cacbon đioxit.</td></tr><tr><td>4Al + 3O₂</td><td>$\xrightarrow{t^0}$</td><td>2Al₂O₃.</td><td>Nhôm oxit.</td></tr><tr><td>2H₂ + O₂</td><td>$\xrightarrow{t^0}$</td><td>2H₂O</td><td>Nước.</td></tr></table>	4P	+	5O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	2P ₂ O ₅	4		5		2	0,4mol		0,5mol		0,2mol	C + O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	CO ₂	Cacbon đioxit.	4Al + 3O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	2Al ₂ O ₃ .	Nhôm oxit.	2H ₂ + O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	2H ₂ O	Nước.
4P	+	5O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	2P ₂ O ₅																								
4		5		2																								
0,4mol		0,5mol		0,2mol																								
C + O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	CO ₂	Cacbon đioxit.																									
4Al + 3O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	2Al ₂ O ₃ .	Nhôm oxit.																									
2H ₂ + O ₂	$\xrightarrow{t^0}$	2H ₂ O	Nước.																									

4. Nhận xét -Dẫn dò (1'):

- GV: + Yêu cầu HS về nhà tiếp tục học bài chuẩn bị ôn tập tiếp theo.
 + Yêu cầu HS làm lại các bài tập Gv đã hướng dẫn và làm các bài tập tương tự.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

